NGÂN HÀNG QUÂN ĐỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 5 năm 2019

Số: 523/QĐ-MB-HĐQT

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành "Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Quân đội"

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12; Luật sửa đổi Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14; Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;

Căn cứ Thông tư 13/2018/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 18/05/2018 Quy định về Hệ thống Kiểm soát nội bộ của Ngân hàng thương mại, chi nhánh Ngân hàng Nước ngoài;

Căn cứ Điều lệ MB; Nghị quyết ĐHĐCĐ MB số 31/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2019 về việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2019 - 2024;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 27/4/2019 về việc thông qua việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT MB, Quy chế Quản trị nội bộ MB.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Quân đội".

Điều 2: Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc; Chánh văn phòng Hội đồng quản trị và những người có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/ 5 /2019 và thay thế cho Quyết định số 898/QĐ-MB-HĐQT ngày 17/08/2018 về việc ban hành "Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Quân đội".

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VPHĐQT/.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

Lê Hữu Đức

	QUY CHẾ	Mã hiệu: QC/VPHĐQT/MB/02	Ngày hiệu lực: 02/../5./2019
NGÂN HÀNG QUÂN ĐỘI	QUẢN TRỊ NỘI BỘ NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI	Ban hành mới	

KIỂM SOÁT VĂN BẢN QUY PHẠM NỘI BỘ

NGÀY SỬA ĐỔI	MỤC SỬA ĐỔI	TÓM TẮT NỘI DUNG SỬA ĐỔI
27/04/2019		Ban hành thay thế Quyết định số 898/QĐ-MB-HĐQT ngày 17/08/2018

	BIÊN SOẠN (Đơn vị: Phòng Trợ lý)	**KIỂM SOÁT PHÁP CHẾ**	**KIỂM SOÁT VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
Ngày			
Ký			
Họ tên	**Trần Thu Lan**	**Trần Thị Minh Tâm**	**Đỗ Kim Loan**

MỤC LỤC

CHƯƠNG I 1
QUY ĐỊNH CHUNG 1
Điều 1. Mục đích ban hành và đối tượng áp dụng 1
Điều 2. Các nguyên tắc quản trị cơ bản 1
Điều 3. Cơ cấu quản trị Ngân hàng 1
Điều 4. Giải thích từ ngữ 1
CHƯƠNG II 1
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 1
Điều 5. Quyền hạn của cổ đông 1
Điều 6. Nghĩa vụ của cổ đông 2
Điều 7. Đại hội đồng cổ đông 3
Điều 8. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 3
Điều 9. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 4
Điều 10. Danh sách cổ đông có quyền dự họp 5
Điều 11. Thông báo mời họp, Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông 6
Điều 12. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông 6
Điều 13. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 7
Điều 14. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 8
Điều 15. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 9
Điều 16. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 10
Điều 17. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông 11
CHƯƠNG III 11
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 11
Điều 18. Thành phần và Nhiệm kỳ 11
Điều 19. Quy trình, thủ tục bầu các chức danh thành viên HĐQT 12
Điều 20. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị 13
Điều 21. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị 14
Điều 22. Quyền hạn, nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị 15
Điều 23. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 16
Điều 24. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị 17
Điều 25. Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị 18
Điều 26. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị 18
Điều 27. Các Uỷ ban của Hội đồng Quản trị 20
Điều 28. Bộ máy giúp việc của Hội đồng Quản trị 20
CHƯƠNG IV 21

BAN KIỂM SOÁT 21
Điều 29. Thành phần và nhiệm kỳ 22
Điều 30. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát 22
Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát 23
Điều 32. Thay thế thành viên Ban kiểm soát 24
Điều 33. Cuộc họp của Ban kiểm soát 25
CHƯƠNG V 27
BAN ĐIỀU HÀNH 27
Điều 34. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban điều hành trong quản trị ngân hàng 27
CHƯƠNG VI 27
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH 27
Điều 35. Nguyên tắc phối hợp 27
Điều 36. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành và Người quản lý khác 27
Điều 37. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Ban kiểm soát 28
Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành và Người quản lý khác 28
CHƯƠNG VII 29
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN 29
Điều 39. Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi 29
Điều 40. Giao dịch với người có liên quan 30
Điều 41. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến MB 30
CHƯƠNG VIII 31
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA MB 31
Điều 42. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác 31
Điều 43. Tiêu chí đánh giá hoạt động 31
Điều 44. Xếp loại đánh giá cán bộ 32
Điều 45. Khen thưởng 32
Điều 46. Kỷ luật 32
CHƯƠNG IX 32
XỬ LÝ VI PHẠM VÀ HIỆU LỰC 32
Điều 47. Xử lý vi phạm 32
Điều 48. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung 32

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị ngân hàng để (i) bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) và (ii) đảm bảo MB hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ MB và các chuẩn mực, thông lệ tốt nhất trong hoạt động kinh doanh ngân hàng nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị trong bộ máy tổ chức của Ngân hàng TMCP Quân đội được quy định tại Điều lệ MB, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cơ quan, đơn vị liên quan khác của MB.

Điều 2. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

Quy chế này được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc quản trị cơ bản sau:

- Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ MB;
- Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành MB công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ quy định pháp luật và hướng tới thông lệ, chuẩn mực quốc tế;
- Đảm bảo lợi ích của cổ đông và những người có quyền lợi liên quan;
- Đối xử công bằng, bình đẳng giữa các cổ đông;
- Ngăn ngừa xung đột lợi ích;
- Minh bạch trong hoạt động của MB.

Điều 3. Cơ cấu quản trị Ngân hàng

Cơ cấu quản trị MB gồm có:

1. Đại hội đồng Cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Các từ hoặc thuật ngữ, nếu không được giải thích khác đi trong Quy chế này, có nghĩa như được định nghĩa tại Điều lệ MB.

CHƯƠNG II
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền hạn của cổ đông

1. Cổ đông có các quyền sau:

1.1. Tham dự họp, phát biểu và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

1.2. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.

1.3. Được ưu tiên mua cổ phần mới khi MB tăng Vốn điều lệ theo tỷ lệ số cổ phần hiện có của mỗi cổ đông phù hợp quy định pháp luật. Việc chào bán cổ phần mới được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ MB.

1.4. Được chuyển nhượng cổ phần hoặc bán lại cổ phần cho MB, theo quy định tại Điều lệ MB, phù hợp với quy định của pháp luật.

1.5. Được nhận thông tin về tình hình hoạt động của MB, tra cứu các thông tin của bản thân cổ đông, phù hợp quy định của pháp luật.

1.6. Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

1.7. Được ủy quyền từng lần bằng văn bản cho người khác trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ MB, phù hợp quy định của Hội đồng quản trị MB.

1.8. Khi MB giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần các tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào MB theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản.

1.9. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 9% tổng số cổ phần của MB trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng có thêm các quyền sau:

2.1. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật;

2.2. Được quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ MB, phù hợp quy định pháp luật.

2.3. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ MB.

3. Cổ đông sáng lập của MB ngoài các quyền của cổ đông phổ thông còn có các quyền sau:

3.1. Được giữ "Danh hiệu Cổ đông sáng lập" trong suốt thời gian là cổ đông MB. Danh hiệu Cổ đông sáng lập gắn liền với nhân thân cổ đông;

3.2. Danh hiệu cổ đông sáng lập và quyền ứng cử chức danh thành viên Hội đồng Quản trị không được chuyển nhượng, thừa kế, cho tặng … dưới mọi hình thức.

Điều 6. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1.1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua theo đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật và MB về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần của MB;

1.2. Không được rút vốn cổ phần dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của MB, trừ trường hợp được MB hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

1.3. Chấp hành Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của MB;

1.4. Chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

1.5. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của MB trong phạm vi số vốn đã góp;

1.6. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của mọi thông tin cung cấp cho MB;

1.7. Không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của MB và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ MB;

1.8. Công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

1.9. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật có liên quan.

2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ

sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; nếu không cung cấp thông tin cho MB, trong trường hợp MB phát hiện ra chủ sở hữu thực sự, MB có quyền đình chỉ các quyền cổ đông liên quan đến số cổ phần không công khai chủ sở hữu thực sự.

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

Điều 7. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của MB. Tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết đều có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông tự mình tham dự hoặc cử người đại diện cho mình tham dự họp. Việc cử người đại diện phải được lập thành văn bản, có chữ ký của người ủy quyền, theo quy định của Hội đồng quản trị MB.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng Quản trị triệu tập và tổ chức tại Việt Nam; địa điểm cụ thể do Hội đồng Quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ MB quy định. Hội đồng quản trị có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phù hợp quy định pháp luật.

4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

4.1. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của MB.

4.2. Tình hình tài chính của MB cho thấy MB bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước.

4.3. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị hoặc số thành viên của Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật;

4.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 9% tổng số cổ phần của MB trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp (văn bản kiến nghị có chữ ký của các cổ đông có liên quan);

4.5. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do cho rằng Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của người quản lý theo quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp 2014; quy định tại Điều 53, Điều 54 Điều lệ MB hoặc Hội đồng Quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

4.6. Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

5. Hội đồng Quản trị phải triệu tập một cuộc họp các cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện nêu tại Khoản 4 Điều này.

6. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì trong vòng 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;

7. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm 4.4 Khoản 4 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ MB.

8. Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông sẽ do MB thanh toán vì mục đích rõ ràng, các chi phí đó sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chịu để tham dự Đại hội cổ đông, như chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí liên quan khác.

Điều 8. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

1.1. Thông qua định hướng phát triển của MB;

1.2. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ MB;

1.3. Phê chuẩn Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT MB và Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát MB;

1.4. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ MB và quy định của pháp luật;

1.5. Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác hàng năm đối với Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; MB căn cứ quy định pháp luật, chiến lược, kế hoạch hoạt động của MB, nhiệm vụ được phân công và mức độ hoàn thành công việc để xác định thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát;

1.6. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho MB và cổ đông của MB;

1.7. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; quyết định tổng số cổ phần được quyền chào bán;

1.8. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;

1.9. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;

1.10. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án phân phối lợi nhuận;

1.11. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao;

1.12. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

1.13. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của tổ chức tín dụng có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

1.14. Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của MB; công ty con, công ty liên kết của MB. Trong trường hợp này, các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;

1.15. Quyết định thành lập công ty con MB;

1.16. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu phá sản MB;

1.17. Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua tối thiểu các vấn đề quy định tại điểm 1.10 và điểm 1.11 khoản 1 Điều này và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ MB. Người được ủy quyền không nhất thiết là cổ đông của MB và không được ứng cử với tư cách của chính mình.

2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được

thông báo bằng văn bản đến MB trong thời hạn tối thiểu 05 (năm) ngày làm việc trước ngày tổ chức Đại hội. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

2.1. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký doanh nghiệp của cổ đông;

2.2. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại MB;

2.3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;

2.4. Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;

2.5. Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;

2.6. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

3. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Hội đồng Quản trị MB quy định và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

3.1. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

3.2. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

3.3. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

3.4. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

4.1. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

4.2. Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.

5. Quy định tại khoản 3 Điều này không áp dụng nếu MB nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông .

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cá nhân hoặc người đại diện của cổ đông là tổ chức; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông, mã số cổ đông hoặc mã số lưu ký chứng khoán theo quy định của đơn vị quản lý cổ đông được chỉ định

3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo mời họp, Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

1.1. Lập một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết như quy định tại Điều 39 của Điều lệ MB, chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với quy định pháp luật và các quy định của MB;

1.2. Khẳng định thời gian và địa điểm đại hội;

1.3. Thông báo cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp về Đại hội đồng cổ đông và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông.

1.4. Các công việc khác phù hợp quy định pháp luật.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Thông báo mời họp và tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ đã đăng ký của cổ đông hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp, hoặc thông báo qua phương tiện thông tin đại chúng. Thông báo mời họp và tài liệu phải được gửi đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Thông báo về Đại hội đồng cổ đông phải được đăng trên trang web chính thức của MB đồng thời với việc gửi giấy mời và tài liệu cho các cổ đông.

3. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán, trên trang web chính thức của MB, 01 tờ báo trung ương và 01 Tờ báo địa phương nơi MB đóng trụ sở chính.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 9% tổng số cổ phần của MB trong thời hạn liên tục 06 tháng có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến MB chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp, kèm theo là tài liệu chứng minh quyền được kiến nghị của người kiến nghị.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau đây:

5.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

5.2. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

5.3. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ MB và không phù hợp với các quy định của pháp luật.

5.4. Người kiến nghị không xuất trình đủ các tài liệu chứng minh quyền được kiến nghị cho MB.

6. Người triệu tập họp Đại hội cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến Chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 12. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số phiếu biểu quyết của MB.

2. Trường hợp không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện cần thiết tham dự họp trong vòng 120 phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc.

3. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 41% tổng số cổ phần biểu quyết của MB.

4. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện cần thiết tham dự cuộc họp trong vòng 120 phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc.

5. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông, tỷ lệ đại diện cần thiết và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc các cổ đông khác có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông với tư cách quan sát viên, nếu không tham dự họp với tư cách cổ đông, để giám sát quá trình tổ chức và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo lần thứ ba.

6. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp quy định tại Điều lệ MB.

Điều 13. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, MB phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được thực hiện thông qua hình thức giơ thẻ biểu quyết: ghi mã số thứ tự cổ đông để xác định số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến và/hoặc bằng cách áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại khác (nếu có) được quy định tại Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN từng thời kỳ; cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu 01 người trong số họ làm chủ tọa; trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa theo phương thức trên thì 01 thành viên Hội đồng Quản trị điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu ra Chủ tọa trong số những người đến dự họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội bầu Chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa đề cử Thư ký lập Biên bản họp Đại hội, đề cử Ban kiểm phiếu để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

6.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

6.2. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

6.3. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội hoặc người được ủy quyền có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một các hợp lệ và có trật tự theo đúng Chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

9. Người triệu tập Đại hội cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Người triệu tập Đại hội cổ đông cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, người triệu tập Đại hội cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên ra khỏi cuộc họp.

10. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:

10.1. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;

10.2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

10.3. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

11.1. Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

11.2. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều này.

12. Trong Quy chế này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của Đại hội.

Điều 14. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông MB theo quy định tại Điều 46 Điều lệ MB, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại các điểm 1.1; 1.6; 1.14, 1.16 khoản 1 Điều 8 phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

5.1. Được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận trừ trường hợp quy định tại Điểm 5.3 Khoản này;

5.2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

5.3. Được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, đối với một số vấn đề sau:

- Quyết định phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ MB;
- Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Toà án mở thủ tục phá sản MB;
- Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của tổ chức tín dụng có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

6. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi mốt phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

Điều 15. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014, cụ thể:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của MB;

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của MB;

3.2. Mục đích lấy ý kiến;

3.3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

3.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

3.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

3.6. Thời hạn phải gửi về MB phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

3.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của MB;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

5. Phiếu lấy ý kiến gửi về MB phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về MB sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

6. Hội đồng Quản trị tổ chức việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Thành viên Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý MB.

7. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

7.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

7.2 Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

7.3 Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

7.4 Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

7.5 Các quyết định đã được thông qua;

7.6 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và của người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu.

7.7 Các thành viên Hội đồng Quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

8. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của MB.

9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của MB;

10. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của MB. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được thông qua tại Đại hội. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của MB phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ MB.

2. Các nội dung khác liên quan đến biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2014, cụ thể :

- Tên, địa chỉ, trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông
- Chương trình và nội dung cuộc họp
- Chủ tọa và Thư ký
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, Phụ lục Danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành, và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
- Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp.

3. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước.

Điều 17. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ MB và quy định pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 Quy chế này ; hoặc

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm quy định Điều lệ MB hoặc quy định pháp luật.

CHƯƠNG III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Thành phần và Nhiệm kỳ

1. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo phương thức bầu dồn phiếu phù hợp quy định của pháp luật, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho 01 hoặc 01 số ứng cử viên. Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

2. Hội đồng Quản trị có từ năm (5) thành viên đến mười một (11) thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng Quản trị từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông MB quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị MB là 05 năm. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có nhiệm kỳ không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc thay thế thành viên Hội đồng Quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị.

3. Hội đồng Quản trị có tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không phải Người điều hành của MB và thành viên Hội đồng Quản trị độc lập,

trong đó có tối thiểu 01 thành viên độc lập và tối thiểu 02 thành viên chuyên trách. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó, hoặc những người là người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được chiếm quá 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp khác theo quy định pháp luật.

Điều 19. Quy trình, thủ tục bầu các chức danh thành viên HĐQT

1. Quy trình, thủ tục bầu các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị:

1.1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu ba mươi (30) ngày, Hội đồng Quản trị ngân hàng phải thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng Quản trị; trong đó dự kiến số lượng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (trường hợp chưa bầu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập hoặc chưa đủ ít nhất 01 thành viên theo quy định); đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.

1.2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên cho các chức danh dự kiến bầu. Trường hợp các cổ đông không đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng Quản trị độc lập) hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng Quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này. Hội đồng Quản trị thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử của ứng cử viên không đáp ứng đủ điều kiện biết rõ lý do.

1.3. Sau khi lập Danh sách ứng cử viên, Hội đồng Quản trị MB có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận Danh sách này.

1.4. MB có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập được tiến hành như việc bầu các thành viên Hội đồng Quản trị khác.

2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện phù hợp quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ MB. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chấp thuận việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo quy định của NHNN và Điều lệ MB. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị phù hợp quy định tại Điều lệ MB và quy định của pháp luật.

5. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm như sau:

5.1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 9% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên;

5.2. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;

5.3. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;

5.4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;

5.5. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;

5.6. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;

5.7. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;

5.8. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

6. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử. Trường hợp sau lượt bầu thứ nhất mà chưa đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát dự kiến thì Đại hội đồng cổ đông tiếp tục bầu cho đến khi đủ số lượng dự kiến hoặc thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1.1. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng Quản trị quy định tại Điều 48 Điều lệ MB và quy định của pháp luật;

1.2. Có đạo đức nghề nghiệp;

1.3. Có bằng đại học trở lên;

1.4. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập là thành viên đáp ứng các điều kiện theo khoản 1 Điều này và các yêu cầu sau:

2.1. Không phải là người đang làm việc cho MB hoặc công ty con của MB hoặc đã làm việc cho MB hoặc công ty con của MB bất kỳ thời gian nào trong 03 (ba) năm liền kề trước đó.

2.2. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao thưởng xuyên phụ cấp khác của MB ngoài những khoản phụ cấp của thành viên HĐQT được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị.

2.3. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của MB, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của MB hoặc công ty con của MB;

2.4. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của MB; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của MB;

2.5. Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của MB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó;

2.6. Các điều kiện, tiêu chuẩn khác phù hợp quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách là thành viên có chế độ làm việc cho Hội đồng Quản trị như cán bộ nhân viên MB, phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 21. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ MB. Trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ thường niên, đảm bảo các nội dung theo quy định của pháp luật và Điều lệ MB.

3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và quyết định các nội dung khác có liên quan đến mạng lưới thuộc nhiệm vụ của Hội đồng quản trị phù hợp quy định pháp luật.

4. Quyết định mô hình tổ chức và chức năng của trụ sở chính; quyết định mô hình tổ chức của chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp MB trong nước.

5. Quyết định kế hoạch nhân sự hàng năm gồm tổng số nhân sự, chi phí lương, duyệt quyết toán lương; cơ chế thưởng phù hợp Điều lệ MB và quy định nội bộ MB.

6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị và các chức danh khác (nếu có) theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp quy định pháp luật.

7. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

8. Cử người đại diện vốn góp của MB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

9. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của MB từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

10. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 127, Khoản 7 Điều 128 của Luật các Tổ chức tín dụng và các khoản cấp tín dụng khác pháp luật quy định HĐQT quyết định, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ MB.

11. Thông qua các hợp đồng của MB với công ty con, công ty liên kết của MB; các hợp đồng của MB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc theo quy định và kiểm tra, giám sát, đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ của các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

13. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập.

14. Phê duyệt kế hoạch/mục tiêu hoạt động kinh doanh hàng năm và những điều chỉnh, sửa đổi (nếu có) do Tổng giám đốc đề nghị.

15. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của MB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.

16. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của MB.

17. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên; xem xét, phê duyệt để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính của MB theo quy định của pháp luật; Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

18. Lựa chọn tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để thẩm định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.

19. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.

20. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu phá sản MB.

21. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.

22. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của MB.

23. Quyết định mua lại cổ phần của MB theo quy định tại Điều lệ MB.

24. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

25. Quyết định trích lập các quỹ (sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính khác phù hợp quy định pháp luật) trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định về việc sử dụng các quỹ; quy định trích lập và sử dụng các quỹ (trước thuế) phù hợp quy định pháp luật.

26. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

27. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định.

28. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị.

29. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).

30. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ MB và quy định pháp luật.

31. Thực hiện giám sát của quản lý cấp cao của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc trong việc kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn phù hợp quy định pháp luật.

32. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ MB và phù hợp quy định pháp luật.

Điều 22. Quyền hạn, nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng Quản trị quản trị MB theo quy định của pháp luật và Điều lệ của MB.

2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực vì lợi ích của MB.

3. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành MB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

4. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ MB và quy định pháp luật.

5. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ MB và pháp luật, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về những quyết định của mình.

6. Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

7. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.

8. Không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng Giám đốc, trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị là Tổng Giám đốc.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời, đúng hạn các nhiệm vụ và quyền hạn của mình phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ MB và Quy chế này.

10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác phù hợp quy định của Điều lệ MB và quy định pháp luật.

Điều 23. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch và (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

2.1. Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

2.2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

2.3. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập và chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị ; Tổ chức việc thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị .

2.4. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định đó;

2.5. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của MB, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

2.6. Đảm bảo rằng các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh;

2.7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị;

2.8. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn khác của họ;

2.9. Giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

2.10. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm một lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;

2.11. Quyết định cụ thể số lượng, nhiệm vụ, tiền lương và các chế độ khác của các cán bộ, nhân viên giúp việc chuyên trách thuộc bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này và pháp luật.

2.12. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh: người đứng đầu/Phụ trách các Khối/Phó Giám đốc các Khối (và tương đương tại MB và công ty con); người đứng đầu/Phụ trách các Chi nhánh; các chức danh quản lý của Văn phòng Hội đồng quản trị, Khối Đầu tư; Giám đốc phụ trách kinh doanh vùng và các chức danh khác theo quy định nội bộ, phù hợp quy định pháp luật.

2.13. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản, trang thiết bị, dịch vụ của MB (theo phân cấp của Hội đồng quản trị từng thời kỳ), trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, trên cơ sở tham mưu, tư vấn của Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.

2.14. Chỉ đạo hoạt động đầu tư, góp vốn mua cổ phần và các nội dung khác có liên quan trên cơ sở phương án đầu tư, góp vốn đã được HĐQT phê duyệt, phù hợp quy định pháp luật; chỉ đạo hoạt động quản lý công ty thành viên phù hợp quy định pháp luật, quy định MB.

2.15. Thực hiện đánh giá hiệu quả công việc của Người đại diện của MB tại các Công ty thành viên.

2.16. Quyết định các nội dung chi tiết việc triển khai kế hoạch phát triển mạng lưới MB hàng năm sau khi đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

2.17. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quyết định của Hội đồng quản trị, trừ quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ MB.

2.18. Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt hoặc các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc MB biết về việc ủy quyền này. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị giúp việc Chủ tịch Hội đồng quản trị theo phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Số lượng và nhân sự (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 24. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của MB.

2. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao của Hội đồng Quản trị phù hợp quy định của pháp luật. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của MB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của MB.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách (là thành viên có chế độ làm việc như cán bộ nhân viên MB), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới các hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của MB.

Điều 25. Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thì Hội đồng Quản trị cử ra một thành viên Hội đồng Quản trị tạm thời điều hành công việc của Hội đồng Quản trị và báo cáo Cơ quan quản lý nhà nước theo quy định pháp luật. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng Quản trị để bầu một thành viên Hội đồng Quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định hiện hành.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc không đủ số thành viên Hội đồng Quản trị tối thiểu hoặc vi phạm quy định tại Điều 56 - Điều lệ MB, thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định hoặc phát sinh vi phạm, Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.

5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu theo quy định của NHNN. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 26. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị mới được bầu phải nhóm họp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền. Cuộc họp này do Thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên Hội đồng Quản trị bầu theo nguyên tắc đa số quá bán, chọn 01 người trong số họ để triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng Quản trị có thể họp tại trụ sở chính của MB hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;

- Có đề nghị của thành viên Hội đồng Quản trị;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và các tài liệu liên quan khác (nếu có). Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên được đăng ký tại MB.

6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên dự họp khác như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát là thành phần tham dự đương nhiên của các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể mời Tổng giám đốc hoặc người khác tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị (nếu cần thiết). Thành viên tham dự họp không phải là Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều lệ MB. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với MB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.

8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền quyết định các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp.

9. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản giấy, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

10. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

10.1 Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

10.2 Ủy quyền cho Thành viên HĐQT khác dự họp.

10.3. Ủy quyền cho người khác không phải là Thành viên Hội đồng quản trị dự họp sau khi được đa số Thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản giấy.

10.3 Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

10.4 Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Thủ tục gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thực hiện theo quy định tại Điều lệ MB

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Người được ủy quyền được tham dự và biểu quyết (trừ trường hợp phạm vi ủy quyền có quy định khác); Người được ủy quyền có trách nhiệm thực hiện công việc được ủy quyền theo đúng quy định pháp luật và phạm vi ủy quyền; đồng thời thông tin cho Người ủy quyền về các nội dung thực hiện biểu quyết có liên quan đến nội dung biểu quyết đó.

Thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền chịu trách nhiệm về các công việc do Người được ủy quyền thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

12. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số quá bán phiếu biểu quyết tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền (trường hợp thành viên HĐQT ủy quyền); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

13. Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi thành biên bản. Nội dung Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2014. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được chủ tọa, các Thành viên Hội đồng Quản trị dự họp và thư ký cuộc họp ký tên. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng về công việc tiến hành tại các cuộc họp. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do và được bảo lưu ý kiến của mình tại cuộc họp.

Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

14. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

15. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản của Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị.

16. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị: Nghị quyết của Hội đồng Quản trị phải được thông báo đến Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cá nhân/đơn vị có liên quan.

Điều 27. Các Uỷ ban của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị có các Uỷ ban của Hội đồng quản trị để đề xuất, tham mưu Hội đồng quản trị thực hiện chức năng giám sát của quản lý cấp cao, gồm: Ủy ban quản trị cấp cao; Ủy ban quản lý rủi ro; Ủy ban nhân sự; Các ủy ban khác (nếu cần thiết)

2. Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn thành viên, nhiệm vụ quyền hạn của Các Uỷ ban của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, các quy định khác của Hội đồng Quản trị MB từng thời kỳ, phù hợp quy định pháp luật.

Điều 28. Bộ máy giúp việc của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị sẽ sử dụng Bộ máy giúp việc và con dấu của MB để thực hiện nhiệm vụ của mình.

2. Hội đồng quản trị có thể có các cơ quan, nhân viên giúp việc chuyên trách do HĐQT quyết định. Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định cụ thể số lượng, nhiệm vụ, tiền lương và các chế độ khác của các cán bộ, nhân viên giúp việc chuyên trách thuộc bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ MB và pháp luật.

3. Hội đồng Quản trị, các Ủy ban Hội đồng Quản trị có quyền thuê nhân viên và tư vấn độc lập, các kế toán độc lập và các tư vấn bên ngoài khác để thực hiện các công việc liên quan phù hợp với Điều lệ và các quy định pháp luật, nếu cần thiết để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình bằng chi phí của MB.

4. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị MB được tiến hành một cách có hiệu quả, Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký công ty. Thư ký công ty là Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị và/hoặc người khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị từng thời kỳ. Tiêu chuẩn, điều kiện, nhiệm vụ quyền hạn của Thư ký công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị MB từng thời kỳ.

CHƯƠNG IV
BAN KIỂM SOÁT

Điều 29. Thành phần và nhiệm kỳ

Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Ban kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 18 Quy chế này, phù hợp quy định của pháp luật. Ban kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.

1. Quy trình, thủ tục bầu các chức danh thành viên Ban kiểm soát:

1.1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu ba mươi (30) ngày, Hội đồng Quản trị ngân hàng phải thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Ban kiểm soát; đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.

1.2. Cổ đông, nhóm cổ đông thực hiện đề cử người vào vị trí Thành viên Ban Kiểm soát theo quy trình, thủ tục tương tự như quy trình, thủ tục bầu các chức danh Thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 19 Quy chế này, phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ MB.

1.3. Trên cơ sở danh sách đề cử của các cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên cho các chức danh dự kiến bầu. Trường hợp các cổ đông không đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên Ban kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng Quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này. Hội đồng Quản trị thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử của ứng cử viên không đủ điều kiện biết rõ lý do.

1.4. Sau khi lập Danh sách ứng cử viên, Hội đồng Quản trị MB có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận Danh sách này.

2. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát phải có từ 03 (ba) đến 05 (năm) người. Số lượng Thành viên Ban kiểm soát cụ thể từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại MB.

3. Số thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách không ít hơn ½ (một phần hai) tổng số thành viên Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách là thành viên có thời gian làm việc và chế độ làm việc như cán bộ nhân viên MB, chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do Ban Kiểm soát phân công. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ, làm việc tại tổ chức tín dụng khác và các trường hợp khác theo quy định pháp luật. Tất cả các thành viên Ban Kiểm soát phải là cổ đông/đại diện cổ đông tổ chức của MB.

4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc thay thế thành viên Ban Kiểm soát phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.

5. Thành viên Ban Kiểm soát phải hội đủ những tiêu chuẩn sau:

5.1. Là cổ đông/đại diện cổ đông của MB;

5.2. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 48, Điều 49 Điều lệ MB;

5.3. Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và Điều 53, Điều 54 Điều lệ MB;

5.4. Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về ngành kinh tế, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

5.5. Không phải là người có liên quan của người quản lý MB;

5.6. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

6. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt nam định cư ở nước ngoài) hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông nước ngoài được bầu vào Ban Kiểm soát thì người này phải đáp ứng thêm được các điều kiện theo quy định của pháp luật về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng thương mại Việt nam.

Điều 30. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Những người được bầu giữ chức Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu, theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhận chức danh đó.

2. Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

2.1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ MB và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong việc quản trị, điều hành MB; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2.2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.

2.3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành MB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2.4. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của MB, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hằng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

2.5. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của MB khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của MB.

2.6. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của Người quản lý theo quy định tại Điều lệ MB và quy định pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

2.7. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của MB; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

2.8. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ MB.

2.9. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các Tổ chức tín dụng hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ MB.

2.10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.

2.11. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ MB và quy định pháp luật.

Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1.1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 72 Điều lệ MB và quy định pháp luật có liên quan.

1.2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.

1.3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

1.4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ MB và quy định pháp luật. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát theo Quy định nội bộ của MB.

1.5. Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.

1.6. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.

1.7. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

1.8. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền tham gia họp các Ủy ban của HĐQT theo quy định tại Điều lệ MB, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

1.9. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị, các Ủy ban của HĐQT (trường hợp tham gia) nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

1.10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ MB.

2. Thành viên Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

2.1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ MB và Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của MB và cổ đông.

2.2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát.

2.3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.

2.4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có.

2.5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của MB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

2.6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.

2.7. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích.

2.8. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết.

2.9. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

2.10. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ MB.

3. Thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát được hưởng lương, các thành viên Ban kiểm soát khác được hưởng thù lao công vụ. Mức lương hoặc thù lao công vụ của thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định, phù hợp quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2014 và các quy định pháp luật khác có liên quan. Các thành viên Ban kiểm soát được đài thọ các chi phí hợp lý khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tổng số phí công vụ (Lương hoặc thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Ban.kiểm soát và số chi phí công vụ mà mỗi thành viên Ban kiểm soát đã nhận được nêu trong báo cáo hàng năm của MB.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên của Ban điều hành phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của MB theo yêu cầu của Ban kiểm soát và phải đảm bảo rằng tất cả các bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng Quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm cung cấp cho Hội đồng Quản trị. Việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Ban Kiểm soát tuân thủ quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp 2014 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 32. Thay thế thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên của Ban kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 50 và Điều 51 của Điều lệ MB. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chấp thuận việc bầu, bổ nhiệm Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của NHNN.

2. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày xác định được Thành viên Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách, Hội đồng Quản trị phải có văn bản báo cáo kèm theo tài liệu chứng minh cụ thể gửi NHNN và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật, đồng thời Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục để bầu thành viên Ban Kiểm soát mới theo quy định của pháp luật và Điều lệ MB.

3. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ

chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban kiểm soát.

4. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Ban kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ MB, trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho chức danh bị khuyết

6. Trưởng ban và Thành viên Ban Kiểm soát của MB sau khi bị xác định đương nhiên mất tư cách, bãi nhiệm, miễn nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ MB hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm. Chức danh được Thống đốc NHNN chấp thuận trước đây của Thành viên Ban Kiểm soát bị mất tư cách đương nhiên, miễn nhiệm, bãi nhiệm đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 33. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên của nhiệm kỳ mới phải được tổ chức trong vòng 07 ngày sau bầu cử Ban Kiểm soát đó. Cuộc họp này do Thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số quá bán 01 người trong số họ để triệu tập họp Ban Kiểm soát.

2. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

3. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

3.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị;

3.2. Ít nhất hai thành viên Hội đồng Quản trị;

3.3. Trưởng Ban kiểm soát;

3.4. Đa số thành viên Ban kiểm soát;

3.5. Tổng Giám đốc;

3.6. Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm 3.1; 3.2; 3.4; 3.5 khoản 3 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp kể trên mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban, bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban, trình Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại (nếu có).

5. Thông báo mời họp Ban kiểm soát phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Thông báo mời họp Ban kiểm soát phải được gửi tối thiểu 2 ngày trước ngày họp.

6. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban kiểm soát được uỷ quyền. Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo.

Sau hai lần triệu tập họp Ban kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban kiểm soát.

7. Biểu quyết.

7.1. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó.

7.2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính.vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

7.3. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ của cuộc họp. Phán quyết của Chủ toạ sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

7.4. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Điều 162 của Luật Doanh nghiệp 2014 sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

8. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Ban kiểm soát nếu theo sự biểu quyết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với MB phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và cuộc họp Ban kiểm soát, tại đây Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng Quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

9. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số quá bán thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Ban kiểm soát uỷ quyền Chủ toạ cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).

10. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

10.1. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số quá bán các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

10.2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.

11. Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi thành biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát phải được chủ toạ và thư ký cuộc họp ký tên. Chủ toạ cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

CHƯƠNG V
BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 34. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban điều hành trong quản trị ngân hàng

1. Ban điều hành gồm có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính của MB và các chức danh khác do Hội đồng quản trị quyết định từng thời kỳ.

2. Ban điều hành có nhiệm vụ điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của MB theo thẩm quyền, phù hợp chính sách, định hướng được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị đề ra trong từng thời kỳ; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các nhiệm vụ.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo, quản lý và ban hành Quy chế làm việc của Ban điều hành, báo cáo Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VI
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 35. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn vì lợi ích chung của MB;

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ khác của MB;

3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 36. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành và Người quản lý khác

Hội đồng quản trị hướng dẫn cụ thể về mối quan hệ phối hợp giữa Hội đồng Quản trị Ban điều hành và Người quản lý khác trong từng thời kỳ, đảm bảo các nguyên tắc cơ bản sau :

1. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao .

2. Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ quản trị Ngân hàng phù hợp quy định tại Điều lệ MB, Quy chế này và quy định nội bộ của MB, quy định của pháp luật, thông lệ quản trị tiên tiến phù hợp tại MB. Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.

3. Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành tổ chức triển khai đầy đủ các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông (thường niên và/hoặc bất thường trong nhiệm kỳ được bầu), các quy định của Điều lệ MB, các quy định của pháp luật, việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và quản trị, giám sát mọi hoạt động của MB, phù hợp quy định pháp luật.

4. Tổng Giám đốc MB hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền chịu trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề nằm ngoài phạm vi thẩm quyền.

5. Hội đồng quản trị được quyền yêu cầu Ban điều hành và các đơn vị báo cáo thực hiện việc cung cấp thông tin, chấp hành chế độ báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ MB, phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin, số liệu báo cáo, cung cấp cho Hội đồng Quản trị phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, kịp thời, đầy đủ, phản ánh đúng tình hình hoạt động của MB, phù hợp với yêu cầu quản trị Ngân hàng, phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Tổng Giám đốc MB có trách nhiệm thiết lập và duy trì thực hiện chế độ thông tin báo cáo đối với Hội đồng quản trị MB bao gồm cả cách thức gửi/nhận thông tin, báo cáo đảm bảo an toàn, bảo mật theo quy định của Hội đồng quản trị.

7. Hội đồng Quản trị tạo điều kiện để các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, những Người quản lý khác được tham gia học tập, nâng cao trình độ, các hoạt động khảo sát thực tế trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành MB. Việc tham gia các khóa học nghiệp vụ của thành viên thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành không được ảnh hưởng đến công việc chung của MB

Điều 37. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Ban kiểm soát

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị bảo đảm thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng Quản trị.

2. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của MB.

3. Hội đồng Quản trị bảo đảm rằng tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho thành viên Hội đồng Quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành và Người quản lý khác

1. Phối hợp trong triển khai công việc được giao

- Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng Giám đốc có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành. Khi tham dự, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có). Tổng Giám đốc gửi cho Ban kiểm soát 01 Biên bản họp này.
- Ban điều hành và Người quản lý khác, lãnh đạo đơn vị Hội sở MB (báo cáo trực triếp Tổng Giám đốc) thực hiện cung cấp thông tin theo định kỳ các công việc theo quy định của MB.
- Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của thành viên kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng việc mà thành viên Ban kiểm soát đó được phân công thực hiện.
- Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của MB, Ban điều hành và Người quản lý khác cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát trực tiếp theo dõi mảng việc đó.
- Ban điều hành có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất..
- Các văn bản báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Phối hợp khác

Các thành viên Ban kiểm soát được tham gia các khóa học nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành MB. Việc tham gia các khóa học nghiệp vụ của thành viên Ban kiểm soát không được ảnh hưởng đến công việc chung của MB.

CHƯƠNG VII
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

Điều 39. Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành, Người quản lý khác của MB phải lương thiện, chí công vô tư, không có xung đột lợi ích với MB và có các nghĩa vụ:

1.1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ MB một cách trung thực, mẫn cán vì lợi ích của MB và cổ đông của MB.

1.2. Không lạm dụng địa vị và quyền hạn, không sử dụng tài sản của MB để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không sử dụng thông tin, bí quyết, chiếm đoạt cơ hội kinh doanh; không được đem tài sản của MB cho người khác hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác, làm thiệt hại lợi ích của MB;

1.3. Thông báo đầy đủ, kịp thời, chính xác cho MB về quyền lợi có thể xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng các cơ hội đó khi Hội đồng Quản trị đã xem xét và chấp thuận.

1.4. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với MB hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của MB.

1.5. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình quy định tại Khoản 24 - Điều 1 - Điều lệ MB vay vốn/bảo lãnh từ MB với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của MB, trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác.

1.6. Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi ngân hàng bị lỗ.

1.7. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của tổ chức tín dụng để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của tổ chức tín dụng, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.

1.8. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

1.9. Các nghĩa vụ khác phù hợp quy định pháp luật.

2. Các hợp đồng, giao dịch của MB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của MB; công ty con, công ty liên kết của MB theo Luật các Tổ chức tín dụng chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:

2.1. Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% vốn điều lệ của MB (theo quy định của Ngân hàng Nhà nước) thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.

2.2. Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của MB (theo quy định của Ngân hàng Nhà nước) thì phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng Quản trị là bên ký hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.

3. Trường hợp, hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 2 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho MB phải có trách nhiệm bồi thường.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành không được mua hoặc bán hoặc giao dịch cổ phiếu của MB hay của các công ty con khi họ có quyền chiếm hữu thông tin có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có thông tin đó.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của MB (nếu có) có trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan theo Điều 39 Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn thi hành như sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần, tỷ lệ, thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên.
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
- Việc kê khai các lợi ích có liên quan phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp.

6. MB phải lập, cập nhật ngay khi có thay đổi danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành và các chức danh quản lý khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ MB và những người có liên quan của những người này. Danh sách này phải được công khai trong toàn hệ thống của MB và gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện cho Ngân hàng Nhà nước phù hợp quy định pháp luật.

7. Các Hợp đồng, giao dịch (không thuộc phạm vi đối tượng cấm hoặc hạn chế theo quy định của pháp luật) của MB với các Phó Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và/hoặc với người có liên quan của họ chỉ được ký kết khi có chấp thuận của Hội đồng Quản trị MB.

Điều 40. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi MB tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc phải đảm bảo hợp đồng được ký bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc phải tiến hành công bố thông tin nội dung hợp đồng theo các quy định của pháp luật và MB (nếu có).

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu những người phải công khai lợi ích liên quan theo quy định của Điều lệ MB và các cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết của MB cung cấp và cập nhật định kỳ những thông tin về người có liên quan của họ.

Điều 41. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến MB

1. MB phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến MB bao gồm chủ nợ, người lao động, người sử dụng dịch vụ MB, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến MB.

2. MB chủ động hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến MB thông qua:

- Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của MB và đưa ra quyết định;
- Khuyến khích những người có quyền lợi liên quan đến MB đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VIII
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA MB

Điều 42. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác

1. Tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng Quản trị, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (trong trường hợp đánh giá thành viên Ban kiểm soát), thành viên Ban điều hành và Người quản lý khác có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:

- Tự nhận xét đánh giá;
- Đánh giá hoạt động định kỳ 06 tháng;
- Đánh giá hoạt động hàng năm;
- Tổ chức lấy thiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất;
- Cách thức khác do Hội đồng Quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

2. Hội đồng Quản trị kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc theo quy định và kiểm tra, giám sát, đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ của các chức danh khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

3. Ban Kiểm soát sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động các chức danh khác của MB, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền đánh giá của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Điều 43. Tiêu chí đánh giá hoạt động

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác bao gồm:

1. Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị;

2. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ MB, chủ trương, chính sách của MB và quy định của pháp luật;

3. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm;

4. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, việc chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí;

5. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, với các đơn vị và mức độ tín nhiệm với nhân viên.

Điều 44. Xếp loại đánh giá cán bộ

1. Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người quản lý khác được phân thành tối thiểu ba nhóm sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
- Hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- Chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Chi tiết việc đánh giá, xếp loại nêu trên được thực hiện theo quy định MB có liên quan.

2. Các văn bản đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người quản lý khác phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân tại MB.

Điều 45. Khen thưởng

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành MB và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và MB.

2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế thi đua khen thưởng của MB tại từng thời điểm.

Điều 46. Kỷ luật

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ MB và các quy định khác có liên quan của MB, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc của MB.

2. Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát bổ nhiệm theo quy định của Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát . Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng Giám đốc/Người được ủy quyền bổ nhiệm/tuyển dụng theo quy định của MB.

3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xư lý vi phạm ký luật sẽ được thực hiện theo Quy chế khen thưởng, kỷ luật của MB tại từng thời điểm.

CHƯƠNG IX
XỬ LÝ VI PHẠM VÀ HIỆU LỰC

Điều 47. Xử lý vi phạm

1. Khi thấy bất kỳ cán bộ, nhân viên nào của MB (bao gồm cả các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành) có hành vi vi phạm Quy chế này, người phát hiện phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban kiểm soát.

2. Mọi trường hợp vi phạm Quy chế này sẽ được Hội đồng Quản trị xem xét và xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc MB. Trong trường hợp hành vi vi phạm của người đó gây thiệt hại cho MB, người vi phạm còn phải bồi thường thiệt hại cho MB theo quy định.

Điều 48. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung

1. Quy chế này được ĐHĐCĐ MB nhất trí thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2019. Quy chế này thay thế Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 898/QĐ-MB-HĐQT ngày 17/08/2018 của HĐQT MB.

2. Trong trường hợp mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ MB về cùng một vấn đề, thì quy định của Điều lệ MB sẽ được ưu tiên áp dụng.

3. Việc sửa đổi, bổ sung quy chế này do Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định trên cơ sở chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

4. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Người quản lý khác và các cán bộ, nhân viên MB có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

Lê Hữu Đức